

THÚC ĐẨY QUYỀN THAM CHÍNH CỦA PHỤ NỮ TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

PHẠM THỊ HẰNG*

Tóm tắt: Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã có những chủ trương, chính sách nhằm giải phóng phụ nữ, tăng cường sự tham gia của phụ nữ vào hệ thống chính trị, song vị thế cũng như tiếng nói của phụ nữ hiện nay vẫn còn những hạn chế nhất định. Bài viết dựa trên phương pháp tổng hợp và phân tích các số liệu về sự tham gia lãnh đạo, quản lý của phụ nữ trong hệ thống chính trị qua các năm để làm rõ thực trạng quyền tham chính của phụ nữ ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đánh giá những kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế đó, bài viết đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao quyền tham chính của phụ nữ Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: phụ nữ, quyền tham chính, lãnh đạo, quản lý, hệ thống chính trị.

Abstract: Recently, the Party and the State have had guidelines and policies to liberate women, strengthen women's participation in the political system; however, there are still certain limitations with women's status and voices currently. The article was synthesizing and analyzing data of women's leadership and management in the political system over the past few years to clarify the current political participation right of women in Vietnam. Based on assessing achievements, limitations and their causes, the article proposes five solutions contributing to the improvement of Vietnamese women's political participation right in the current period.

Keywords: women, political participation right, leadership, management, political system.

1. Đặt vấn đề

Trong suốt chiều dài lịch sử, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm, chăm lo đến công tác cán bộ nữ. Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, đề bạt, bố trí sử dụng cán bộ nữ và coi đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị cũng như thực hiện bình đẳng giới. Song, trong thời gian qua, bên cạnh những thành tựu đạt được, công tác cán bộ nữ cũng đang gặp phải những khó khăn, thách thức nhất định.

Bài viết dưới đây trên cơ sở làm rõ thực trạng quyền tham chính của phụ nữ, đề xuất một số giải pháp nhằm thúc đẩy quyền tham chính của phụ nữ trước thềm đại hội lần thứ 13 của Đảng Cộng sản Việt Nam và nhiệm kỳ Quốc hội Khóa XV (2021-2026).

* Phân hiệu trường Đại học Nội vụ Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Khung pháp lý về quyền tham chính của phụ nữ

** Nghị quyết của Đảng:*

Để hiện thực hóa quyền tham chính của phụ nữ và tạo điều kiện thúc đẩy phụ nữ tham gia một cách bình đẳng và ngày càng nhiều hơn vào lĩnh vực hoạt động chính trị, trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ phải thực hiện bình đẳng giới, trước hết là trong công tác cán bộ: “Làm tốt công tác quy hoạch và tạo nguồn cán bộ, chú ý cán bộ trẻ, nữ...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011).

Năm 1994, Ban Bí thư đã ra Chỉ thị 37/CT/TW yêu cầu các cấp, các ngành phải nâng cao nhận thức về vấn đề cán bộ nữ và quyền tham chính của phụ nữ: “Việc nâng cao tỷ lệ cán bộ nữ tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế xã hội là yêu cầu quan trọng để thật sự thực hiện quyền bình đẳng, dân chủ của phụ nữ, là điều kiện để phát huy tài năng trí tuệ và nâng cao địa vị xã hội của phụ nữ. Chống những biểu hiện lệch lạc, coi thường phụ nữ, khắt khe, hẹp hòi trong đánh giá, đề bạt cán bộ nữ” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1994).

Đối với vấn đề phát triển phụ nữ nói chung, Nghị quyết số 11/NQ-TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về Công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước của Đảng Cộng sản Việt Nam (Nghị quyết số 11/NQ-TW) và Kết luận số 55 của Ban Bí thư, Chỉ thị số 21 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới đã chỉ rõ “Phụ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý có tỷ lệ thấp, chưa tương xứng với năng lực và sự phát triển của lực lượng lao động nữ, nguồn cán bộ nữ hẫng hụt, ở một số lĩnh vực, tỷ lệ cán bộ nữ sụt giảm” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2018).

** Hệ thống pháp luật:*

Trước hết, quyền tham chính của phụ nữ đã được quy định trong Hiến pháp năm 2013 tại khoản 1 và khoản 3, điều 26: “Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới” và “Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới”. Để tạo lập quyền được ưu tiên, khoản 2 Điều 26, Hiến pháp năm 2013 quy định: “Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội”. Từ đạo luật cơ bản này, sự bình đẳng và quyền được ưu tiên của phụ nữ đã được thiết lập. Đây là cơ sở pháp lý vững chắc nhất cho mọi hoạt động lập pháp và thực thi pháp luật trong bảo đảm sự bình đẳng và bảo đảm sự ưu tiên đối với phụ nữ trên thực tế (Lương Văn Tuấn, 2018).

Hiện thực hóa quan điểm của Đảng và qui định của Hiến pháp, nhiều văn bản pháp luật đã cụ thể hóa quyền tham gia trong lĩnh vực chính trị của phụ nữ như: Luật Bình đẳng giới năm 2006; Luật Bầu cử Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015; Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015... và nhiều luật khác.

Quan điểm chỉ đạo và nguyên tắc xuyên suốt trong các văn bản này là đảm bảo cho mọi công dân (không phân biệt nam, nữ, tôn giáo, tín ngưỡng, trình độ văn hóa, nghề nghiệp,...) đều có quyền tham gia vào đời sống chính trị, đều có quyền bầu cử, ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân khi đủ tuổi qui định.

* Các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết:

Việt Nam đã thể hiện cam kết thúc đẩy sự tham gia và đại diện của phụ nữ thông qua phê chuẩn các Công ước quốc tế quan trọng, bao gồm Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, Công ước về các quyền chính trị và dân sự. Việt Nam cũng phê chuẩn Cương lĩnh Hành động Bắc Kinh (1995) và các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDGs) của Liên Hợp Quốc và cam kết đảm bảo tham gia của phụ nữ trong chính trị (quyền bỏ phiếu, quyền ứng cử, quyền xây dựng và thực hiện các chính sách, tham gia vào các tổ chức xã hội và hiệp hội trong đời sống chính trị và cộng đồng của đất nước một cách bình đẳng với nam giới) như là một quyền được chính phủ hỗ trợ thông qua các can thiệp. Ngoài ra, Việt Nam còn tham gia Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững và các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) gồm có 17 mục tiêu và 169 chỉ tiêu của các mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc, trong đó có mục tiêu SDG5 Đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái. Với sự hỗ trợ của UNDP, Việt Nam đã xây dựng Kế hoạch Hành động Quốc gia (NAP) hướng tới SDGs để xem xét các chiến lược, chính sách, chương trình phát triển hiện hành và soát mức độ phù hợp với các mục tiêu phát triển bền vững.

3. Thực trạng phụ nữ tham chính ở Việt Nam hiện nay

Ngày càng có nhiều phụ nữ đảm nhiệm các vị trí quan trọng trong hệ thống các cơ quan lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Theo số liệu của Ban Tổ chức Trung ương, trong nhiệm kỳ 2015-2020, các Đảng bộ khối ở Trung ương có 12/112 cán bộ nữ tham gia Ban Chấp hành đảng bộ (chiếm 10,7%); 7/36 cán bộ nữ tham gia ban thường vụ đảng ủy (chiếm 19,4%). Quốc hội nhiệm kỳ khóa XIV có tổng số nữ đại biểu Quốc hội có 132/494 người (26,7%), tăng 10 người so với Quốc hội khóa XIII. Trong đó, 24 tỉnh đạt tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội cao từ 30% trở lên, có ba tỉnh đạt trên 50% là Bắc Cạn, Bắc Giang, Quảng Ngãi; 25 tỉnh có tỷ lệ dưới 20%, trong đó có 3 tỉnh không có nữ đại biểu Quốc hội (Hiền Nguyễn, 2018).

Về tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội qua các nhiệm kỳ:

Từ khi thành lập nước đến nay, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm bảo đảm tỷ lệ tham gia của phụ nữ vào các cơ quan dân cử, đặc biệt là Quốc hội. Trong cuộc tổng tuyển cử đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (ngày 6-1-1946) có 89% cử tri đi bầu, trong đó nữ chiếm 48%, bầu ra Quốc hội đầu tiên, với 403 đại biểu, trong đó có 10 đại biểu nữ (chiếm 3%). Tại cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa II, 362 người trúng cử, trong đó có 49 nữ (chiếm 13,5%) (Nguyễn Thị Thu Hà, 2017).

Tỉ lệ nữ đại biểu Quốc hội không ngừng tăng qua các khóa:

Bảng 1. Tỉ lệ nữ đại biểu Quốc hội qua các nhiệm kỳ

Khoá	Nữ đại biểu	Tổng số ĐB	Tỷ lệ nữ
Khoá III (1964-1971)	62	366	16,94%
Khoá IV (1971-1975)	125	420	29,76%
Khoá V (1975-1976)	137	424	32,31%

Khoá	Nữ đại biểu	Tổng số ĐB	Tỷ lệ nữ
Khoá VI (1976-1981)	132	492	26,83%
Khoá VII (1981-1987)	108	496	21,77%
Khoá VIII (1987-1992)	88	496	17,74%
Khoá IX (1992-1997)	73	395	18,48%
Khoá X (1997-2002)	118	450	26,22%
Khoá XI (2002-2007)	136	498	27,31%
Khoá XII (2007-2011)	127	493	25,76%
Khoá XIII (2011-2016)	122	500	24,40%
Khoá XIV (2016-2021)	133	496	26,8%

(Nguồn: <http://hoilhpn.org.vn/>)

Sự tham gia của phụ nữ vào Quốc hội với tỷ lệ tăng đáng kể thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước trong công tác cán bộ nữ. Từ khóa X trở đi, tỷ lệ nữ Đại biểu Quốc hội các khóa gần đây tăng, giảm không ổn định; xu hướng giảm trong 3 nhiệm kỳ liên tiếp: khóa X là 26,2%; khóa XI là 27,3%; khóa XII là 25,8% (cao thứ 31 trên thế giới); khóa XIII là 24,4% (cao thứ 2 trong khu vực và thứ 43 trên thế giới); khóa XIV là 26,8% - một tỷ lệ khá cao so với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. (<https://www.moha.gov.vn>).

Tỷ lệ phụ nữ tham gia Quốc hội từ khóa VIII đến khóa XI có xu hướng tăng, song tỷ lệ này lại có xu hướng giảm ở Quốc hội khóa XII và XIII và điều này đã phản ánh, tỷ lệ nữ tham gia Quốc hội thiếu bền vững. Tuy nhiên, đây là con số khá ấn tượng so với mức trung bình 19% của các nước Châu Á và 21% của thế giới (Nguyễn Thị Thu Hà, 2017).

Căn cứ Luật tổ chức Quốc hội, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã dự kiến tổng số đại biểu Quốc hội khóa XIV là 500 người. Về cơ cấu, đại biểu là người dân tộc thiểu số: 90 người (chiếm 18%); đại biểu là phụ nữ: 150 người (chiếm 30%); đại biểu là người ngoài Đảng khoảng 25-50 người (chiếm từ 5 đến 10%); đại biểu trẻ tuổi khoảng 50 người (chiếm 10%); đại biểu tái cử: 160 người (chiếm 32%) (Nguyễn Thị Thu Hà, 2017).

Kết quả cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân khóa XIV được đánh giá “cơ bản bảo đảm mục tiêu kế hoạch đề ra, tỷ lệ đại biểu là phụ nữ, là người dân tộc thiểu số, đại biểu trẻ tuổi, có trình độ trên đại học cao hơn so với nhiệm kỳ trước, phản ánh được tính đại diện rộng rãi cho các tầng lớp nhân dân; chất lượng đại biểu nâng lên đủ năng lực hoạt động với chất lượng, hiệu quả cao hơn”. Tuy nhiên, số lượng 133 nữ đại biểu Quốc hội (chiếm 26,8%) Khóa XIV vẫn còn khá xa so với chỉ tiêu Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020 đề ra (Nguyễn Thị Thu Hà, 2017).

Như vậy, trong thời gian qua, các nữ đại biểu Quốc hội đã luôn phát huy trí tuệ, tài năng và bản lĩnh của những người phụ nữ ưu tú, là đại diện cho tiếng nói của nhân dân. Qua từng nhiệm kỳ Quốc hội, số lượng và chất lượng các nữ đại biểu Quốc hội ngày càng được nâng cao. Từ Quốc hội khóa I chỉ với 10 nữ đại biểu, đến nay, tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội Khóa XIV là 26,8% - một tỷ lệ khá cao so với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới (Vũ Hoa, 2018).

Tỷ lệ phụ nữ trong Ban chấp hành Trung ương Đảng:

Trong khối cơ quan Đảng, ở cấp Trung ương (TW), nhiệm kỳ 2005 - 2011, tỷ lệ nữ tham gia Ban Chấp hành TW Đảng (kể cả ủy viên dự khuyết) là 10%, tăng so với nhiệm kỳ 2001 - 2005 (8,6%), tỷ lệ cán bộ nữ tham gia Ban Bí thư TW Đảng là 20% (2/10 đồng chí) (Đặng Thị Ánh Tuyết, 2016).

Năm 2012, tỷ lệ nữ Đảng viên trên cả nước đạt 32%, tăng đáng kể so với năm 2005 chỉ có 20% Đảng viên nữ (UNDP, 2012).

Đại hội toàn quốc lần thứ XII của Đảng đã bầu ra BCH Trung ương gồm 200 đồng chí, trong đó có 20 nữ, đạt tỷ lệ 10%, (tăng 1% so với số nữ Ủy viên Trung ương được bầu tại Đại hội XI của Đảng là 18/200). Trong 20 nữ Ủy viên Trung ương Đảng khóa XII có 17 Ủy viên chính thức và 3 Ủy viên dự khuyết (Phụ nữ Việt Nam, 2016).

Theo số liệu báo cáo của Ban Tổ chức Trung ương, trong nhiệm kỳ 2015-2020, các Đảng bộ khối ở Trung ương có 12/112 cán bộ nữ tham gia Ban Chấp hành đảng bộ (chiếm 10,7%); 7/36 cán bộ nữ tham gia ban thường vụ đảng ủy (chiếm 19,4%) (Hiền Nguyễn, 2018).

Tỷ lệ nữ trong hội đồng nhân dân các cấp:

Bảng 2. Tỷ lệ nữ trong hội đồng nhân dân các cấp

Nhiệm kỳ	1994 - 2004	2004 - 2011	2011 - 2016
Cấp tỉnh	22,33	23,80	25,70
Cấp huyện	20,12	22,94	24,62
Cấp xã	16,10	19,53	27,71

(Nguồn: Dẫn theo UNDP, 2012b:6)

Ở cấp tỉnh/thành, tỷ lệ nữ tham gia đại biểu hội đồng nhân dân cũng tăng cao, chiếm 25,17% (nhiệm kỳ 2011 - 2016). Đặc biệt tỷ lệ nữ cao ở các chức danh chủ chốt: chủ tịch chiếm 1,64% (1999 - 2004) lên 4,76% (2011 - 2016); phó chủ tịch chiếm 8,19% (1999 - 2004) lên 19,05% (2011-2016). Tương tự, ở cấp quận/huyện, tỷ lệ nữ tham gia đại biểu hội đồng nhân dân chiếm 24,65% (nhiệm kỳ 2011 - 2016). Đối với cấp xã/phường, các chức danh chủ tịch và phó chủ tịch cũng đã có sự phát triển.

Ở cấp địa phương, số liệu Bảng 2 cho thấy, tỷ lệ nữ là đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, huyện và xã ở các giai đoạn đều tăng, đặc biệt là ở cấp xã. Một trong những nguyên nhân làm cho tỷ lệ này tăng lên là do hoạt động vận động bầu cử ở địa phương diễn ra khá tốt (Đặng Thị Ánh Tuyết, 2016).

Tỷ lệ ứng cử viên nữ trong kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 2011 – 2016: có 31% ứng cử viên là nữ. Có 67% ứng cử viên nam trúng cử trong khi đó chỉ có 47% ứng cử viên nữ trúng cử (UNDP, 2012).

Tỷ lệ nữ cấp ủy nhiệm kỳ 2015-2020 cấp tỉnh đạt 13,3%, cấp huyện 14,3%, cấp cơ sở 19,69%, đều tăng so với nhiệm kỳ trước (<https://www.moha.gov.vn>).

4. Đánh giá thực trạng phụ nữ tham chính tại Việt Nam

4.1. Kết quả đạt được

Sự tham gia của phụ nữ trong hệ thống chính trị ở cả 3 khối (Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội) và 4 cấp (Trung ương, tỉnh/thành, huyện/quận, xã/phường) nhìn chung đã tăng lên trong những năm gần đây, rõ nhất là trong hệ thống dân cử và có chiều hướng tiến bộ. Hầu hết cán bộ nữ đều khẳng định được vị trí, năng lực của mình.

So với các giai đoạn trước, trình độ học vấn và chuyên môn của đại biểu phụ nữ đã từng bước được cải thiện và nâng cao.

Phụ nữ Việt Nam đã và đang tham gia tích cực các hoạt động của hệ thống chính trị và đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Sự gia tăng nữ lãnh đạo, quản lý qua các năm có ý nghĩa chính trị và xã hội hết sức to lớn.

Trong bối cảnh hiện nay, việc phụ nữ Việt Nam đã tham gia tích cực vào lãnh đạo, quản lý và bước đầu được ghi nhận và đánh giá cao.

4.2. Tồn tại, hạn chế:

So với tiềm năng và nguồn lực nữ cán bộ trong hệ thống chính trị thì tỷ lệ cán bộ quản lý, lãnh đạo nữ còn thấp so với đội ngũ lao động nữ và so với yêu cầu. Tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội xu hướng tăng không bền vững và có dấu hiệu đi xuống trong 2 nhiệm kỳ liên tục (Khóa X đạt 26,2%, khóa XI đạt 27,3%, khóa XII đạt 25,7%, khóa XIII là 24,4%, khóa XIV là 26,8%) và chưa đạt chỉ tiêu của Chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ đến năm 2010 (phần đầu đạt từ 33% trở lên) (Đặng Thị Ánh Tuyết, 2016). Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo nữ tại các cấp còn thiếu so với mục tiêu, yêu cầu đề ra. Một số Đảng bộ trực thuộc Trung ương có tỷ lệ cán bộ nữ giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ cấp vụ trở lên còn thấp như: Thanh tra Chính phủ (6,9%); Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (8,9%); Bộ Giao thông vận tải (9,4%)... (Hiền Nguyễn, 2018).

Tỷ lệ nam và nữ nắm giữ các vị trí lãnh đạo, quản lý vẫn còn mất cân đối. Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, quản lý nữ trong nhiệm kỳ 2005 – 2010 giảm so với nhiệm kỳ 1999 - 2004. Cụ thể: ở Trung ương, chỉ có 9/30 Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có nữ trong ban lãnh đạo; chỉ có 01 nữ trong số 30 Bộ trưởng và tương đương (4,5% so với 12% ở khóa 2002- 2007). Có 9 nữ trong số khoảng 100 Thứ trưởng và tương đương (8,4% so với 9% khóa 2002-2007). Tỷ lệ nữ vụ trưởng và tương đương giảm từ 6% xuống 5,5% (Đặng Thị Ánh Tuyết, 2016).

Mặc dù đã xây dựng nhiều cơ chế, văn bản pháp luật nhằm tạo điều kiện cho phụ nữ tham gia hoạt động xã hội và quản lý nhà nước, Việt Nam chỉ nằm ở nhóm trung bình trên bản đồ phụ nữ tham chính trên thế giới. Tỷ lệ nữ đại biểu HĐND có tăng so với nhiệm kỳ trước; song so với mục tiêu của Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị, Chiến lược quốc gia về Bình đẳng giới vẫn còn khoảng cách khá lớn. Đặc biệt, nước ta còn tụt 31 bậc, xuống hạng thứ 54 trên bảng xếp hạng tỷ lệ phụ nữ tham chính toàn cầu từ năm 2005 đến năm 2015. Vị trí này rất khiêm tốn so với nhiều nước trong khu vực Đông Nam Á như Nepal (thứ 39), Philippines (thứ 45), Lào (thứ 53) (Quỳnh Thơ, 2020).

Ở cấp địa phương, cả nước hiện chỉ có duy nhất một nữ trong số 63 Chủ tịch Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh và còn khoảng 19 tỉnh/thành không có nữ lãnh đạo chủ chốt ở cấp này.

Đặc biệt, trong nhiệm kỳ này (nhiệm kỳ khóa XIV), Việt Nam lần đầu tiên có Chủ tịch Quốc hội và 3 ủy viên Bộ Chính trị là nữ; ở cấp tỉnh có 06 Bí thư, 13 Phó Bí thư, 08 Chủ tịch, 30 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, 19 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, 16 phó Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội là nữ, cùng nhiều nữ cán bộ đảm nhiệm các vị trí trọng trách ở Trung ương và địa phương. Đó là minh chứng sinh động cho tiến trình bình đẳng giới của Việt Nam (Vũ Hoa, 2018).

Tỷ lệ phụ nữ tham chính ở Việt Nam tương đối thấp so với mặt bằng chung của các nước. Cụ thể: Theo báo cáo của Liên minh Nghị viện Thế giới năm 2012, tại thời điểm cuối năm 2011, tỷ lệ phụ nữ tham chính tại Việt Nam đứng thứ 43 trên thế giới, giảm so với thứ 36 vào năm 2010 và 2009, thứ 33 năm 2008, thứ 31 năm 2007, thứ 25 năm 2006 và thứ 23 năm 2005. Việt Nam là một trong 21 quốc gia có sự sụt giảm rõ rệt về tỷ lệ phụ nữ tham chính vào năm 2011. Trong số 7 quốc gia (Trung Quốc, Cu Ba, Bắc Triều Tiên, Lào, Cộng hòa dân chủ Ả rập Xarauy, Tuốc-mê-nit-xtan và Việt Nam), Việt Nam đứng thứ 3 về tỷ lệ phụ nữ tham chính cấp Quốc gia (24,4%). Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cuba có tỷ lệ phụ nữ tham chính lần lượt là 25% và 45%. Trung Quốc có tỷ lệ phụ nữ tham chính ở cấp địa phương rất cao - 43% (UNDP, 2012).

4.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế:

Nhận thức của một số cấp lãnh đạo về bình đẳng giới và tầm quan trọng của phụ nữ tham chính còn hạn chế. Ở một số địa phương, các cấp, các ngành chưa thật sự quan tâm đến công tác này. Định kiến giới còn tồn tại trong nhân dân và cả trong một bộ phận cán bộ lãnh đạo, quản lý. Với tư tưởng “trọng nam khinh nữ”, dẫn tới hành vi sai lệch; cản trở thực hiện các quyền bình đẳng trong lĩnh vực chính trị; gây khó khăn trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới...

Hệ thống văn bản pháp luật chưa đồng bộ, còn thiếu các cơ chế và điều kiện thuận lợi để phụ nữ thực hiện đầy đủ quyền bầu cử, ứng cử của mình. Văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử các chức danh lãnh đạo, quản lý, đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp, chưa quy định rõ tỷ lệ nữ bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới mà chỉ quy định chung chung “tỷ lệ nữ thích đáng”. Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội năm 2015 cũng mới chỉ quy định “bảo đảm có ít nhất 35% tổng số người trong danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội là phụ nữ”, đây chỉ là quy định mang tính định hướng, nên cần phải quy định rõ về tỷ lệ nữ trong Quốc hội là chỉ tiêu bắt buộc (Nguyễn Thị Thu Hà, 2017).

Việc giới thiệu ứng cử viên nữ trong bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp ở nhiều nơi vẫn còn hình thức, chưa tương xứng (về trình độ, chức vụ, bằng cấp...) so với nhân sự nam nên thường chỉ được coi là “quân xanh”.

Bản thân phụ nữ chưa đủ kiến thức, kinh nghiệm, phương pháp, kỹ năng, sự tự tin, bản lĩnh để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của bản thân (Nguyễn Thị Thu Hà, 2017).

5. Một số giải pháp tăng quyền tham chính của phụ nữ ở Việt Nam

Để hiện thực hóa mục tiêu đã được xác định trong Nghị quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị: “Phấn đấu đến năm 2020, cán bộ nữ tham gia cấp ủy đảng các cấp đạt từ 25% trở

lên; nữ đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp từ 35% đến 40%. Các cơ quan, đơn vị có tỷ lệ nữ từ 30% trở lên, nhất thiết có cán bộ lãnh đạo chủ chốt là nữ. Cơ quan lãnh đạo cấp cao của Đảng, Quốc hội, Nhà nước, Chính phủ có tỷ lệ nữ phù hợp với mục tiêu bình đẳng giới”, trên cơ sở mục tiêu đó, tác giả đề xuất một số giải pháp như sau:

Một là, nâng cao nhận thức, quan điểm về bình đẳng giới và về vai trò của phụ nữ trong lĩnh vực chính trị. Để có một đội ngũ cán bộ nữ ngang tầm với yêu cầu, nhiệm vụ, trước hết các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể cần nhận thức sâu sắc về vị trí, vai trò của cán bộ và công tác cán bộ trong điều kiện bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; phải xác định rõ công tác cán bộ là trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Không chỉ tôn trọng và quan tâm mà chính xã hội và gia đình cần phải nhận thức đúng đắn vai trò của phụ nữ trong quá trình phát triển của cộng đồng và toàn xã hội. Nâng cao nhận thức của người dân, của các thành viên trong gia đình về vai trò, vị trí của phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý cũng chính là để người dân nhận thức được quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ trong thực hiện bình đẳng giới và tiến bộ xã hội là biện pháp hữu hiệu và cấp thiết hiện nay.

Hai là, rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy định pháp luật về vấn đề bình đẳng giới. Khung chính sách quy định tuổi quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm của phụ nữ ít hơn so với nam giới 5 năm là rào cản đối với phụ nữ. Bên cạnh đó, cũng cần rà soát các quy định tại các đề án cử cán bộ đi đào tạo ở nước ngoài, bảo đảm cho phụ nữ có cơ hội tiếp cận với tri thức lãnh đạo, quản lý tiến bộ của thế giới.

Ba là, phát huy vai trò của chính chị em phụ nữ. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, hơn tất cả mọi điều chính là bản thân chị em phụ nữ phải tự phấn đấu vươn lên để thoát khỏi tâm lý tự ti, bó hẹp để giải phóng chính mình và giới mình, góp công sức, trí tuệ của mình trong xây dựng đất nước. Trong “Bài nói tại hội nghị cán bộ dự thảo luật hôn nhân và gia đình”, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Chị em phụ nữ không nên ngồi chờ Chính phủ, chờ Đảng ra chỉ thị giải phóng cho mình mà tự mình phải tự cường, phải đấu tranh” (Bài phát biểu tại Hội nghị cán bộ thảo luận Luật hôn nhân và gia đình ngày 10-10-1959). Muốn làm được điều đó thì Phụ nữ các tầng lớp phải đoàn kết chặt chẽ, cố gắng học tập, giác ngộ chính trị, yêu chuộng lao động, quý trọng của công, thi đua tăng gia sản xuất và tiết kiệm.

Trên thực tế, một bộ phận không nhỏ phụ nữ đặc biệt là phụ nữ nông thôn, vùng sâu, vùng xa vẫn còn tâm lý tự ti, mặc cảm, an phận, chưa có ý chí phấn đấu vươn lên. Ảnh hưởng lâu dài của các định kiến xã hội về giới không chỉ ăn sâu, bén rễ trong nhận thức của nam giới mà còn in đậm trong tâm tưởng của phụ nữ Việt Nam, đặc biệt là phụ nữ nông thôn và miền núi. Bản thân phụ nữ chưa thay đổi cách nghĩ về vai trò của mình trong gia đình và xã hội. Ngay cả những phụ nữ có trình độ chuyên môn cao cũng có tâm lý e ngại khi luân chuyển công tác xa gia đình. Mặt khác, trong cơ chế thị trường đòi hỏi phụ nữ phải cố gắng phấn đấu trong chuyên môn như nam giới, song bản thân phụ nữ phải gánh thêm vai trò làm mẹ, cộng với quan niệm “việc nhà là của phụ nữ”, nên một bộ phận phụ nữ ít nhận được sự chia sẻ của nam giới cũng như sự ủng hộ của gia đình khi tham gia công tác.

Bốn là, chú trọng phát hiện nguồn, tạo điều kiện để cán bộ nữ tiềm năng được đào tạo, bồi dưỡng đủ năng lực và trình độ tham gia lãnh đạo, quản lý. Vấn đề tạo nguồn và quy hoạch cán

bộ nữ cần được quan tâm một cách thực chất và đi vào chiều sâu. Nguồn cán bộ nữ sẽ tăng nếu cấp ủy các cấp có kế hoạch phát hiện và bồi dưỡng; năng lực có thể được nâng cao nhờ vào việc thúc đẩy môi trường bên ngoài theo hướng thuận lợi cho phụ nữ và nâng cao năng lực cho họ thông qua kế hoạch bồi dưỡng và quy hoạch. Cần có cách giải quyết mang tính chủ động hơn là nhìn nhận những hạn chế của phụ nữ như rào cản “mang tính truyền thống”.

Năm là, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và năng lực cho cán bộ nữ, đặc biệt đối với cán bộ nữ cấp cơ sở. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cần quan tâm đến cán bộ nữ. Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phải gắn với quy hoạch và bố trí, sử dụng cán bộ nữ sau này. Tiến hành điều tra cơ bản đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ để xác định rõ những hạn chế, yếu kém, trên cơ sở đó phân định trình độ và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cho phù hợp./.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Nội vụ. *Bình đẳng giới qua số liệu thống kê*. Lấy từ: <https://www.moha.gov.vn/congtaccanbonu/solieuthongke/binh-dang-gioi-qua-so-lieu-thong-ke-38256.html>
- Bộ Nội vụ (2019). *Tỷ lệ nữ lãnh đạo quản lý chưa tương xứng với tiềm năng và đóng góp của phụ nữ*. Lấy từ: <https://www.moha.gov.vn/congtaccanbonu/tintucsukien/ty-le-nu-lanh-dao-quan-ly-chua-tuong-xung-voi-tiem-nang-va-dong-gop-cua-phu-nu-40550.html>
- Bộ Nội vụ. *Nữ đại biểu qua các thời kỳ*. Lấy từ: <https://www.moha.gov.vn/congtaccanbonu/solieuthongke/nu-dai-bieu-qua-cac-thoi-ky-38253.html>
- Đảng Cộng sản Việt Nam (1994). *Chỉ thị 37/CT/TW của Ban Bí thư về một số công tác cán bộ nữ trong tình hình mới*.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia. tr.261.
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2018). *Chỉ thị số 21-CT/TW về việc tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới*.
- Nguyễn Thị Thu Hà (2017). *Bảo đảm tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội ở Việt Nam hiện nay*. Lấy từ: <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/dien-dan/item/2161-bao-dam-ty-le-nu-dai-bieu-quoc-hoi-o-viet-nam-hien-nay.html>
- Vũ Hoa (2018). *Nữ đại biểu Quốc hội - minh chứng sinh động cho tiến trình bình đẳng giới ở Việt Nam*, ngày 14/11/2018. Lấy từ: <https://moha.gov.vn/congtaccanbonu/binhdanggioi/nu-dai-bieu-quoc-hoi-minh-chung-sinh-dong-cho-tien-trinh-binh-dang-gioi-o-viet-nam-39958.html>
- Hiền Nguyễn (2018). *Quan tâm hơn nữa đến công tác cán bộ nữ*. Lấy từ: <https://moha.gov.vn/congtaccanbonu/goc-nhin-ve-can-bo-nu/quan-tam-hon-nua-den-cong-tac-can-bo-nu-38234.html>
- Phụ nữ Việt Nam (2016). *Danh sách nữ Ủy viên Trung ương Đảng Khóa XII*, ngày 28/01/2016. Lấy từ: <https://phunuvietnam.vn/danh-sach-nu-uy-vien-trung-uong-dang-khoa-xii-5204.htm>
- Lương Văn Tuấn (2018). *Hiện thực hóa quy định về phụ nữ tham chính ở Việt Nam*. Lấy từ: <http://tcnn.vn/news/detail/41907/Hien-thuc-hoa-quy-dinh-ve-phu-nu-tham-chinh-o-Viet-Nam.html>
- Đặng Thị Ánh Tuyết (2016). *Phụ nữ tham gia lãnh đạo và quản lý ở Việt Nam hiện nay*.
- Quỳnh Thơ (2020). *Bảo đảm tỷ lệ nữ tham gia đại biểu HĐND các cấp*. Lấy từ: <http://daibieunhandan.vn/default.aspx?tabid=76&NewsId=432204>
- UNDP (2012). *Báo cáo về phụ nữ tham chính tại Việt Nam của UNDP năm 2012*.
- UNDP (2012b). *Nữ đại biểu quốc hội ở Việt Nam - hướng tới tương lai*. Hà Nội. tr.6.